

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày: 21 - 3 - 2023
V/v: “*Tranh về hợp đồng dân
sự huê, hui*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Hiên;

2/ Ông Lê Đức Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Duy Lợi** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 154/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự huê, hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐ - DS ngày 19 tháng 12 năm 2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 08/TB – TA ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị V**, sinh năm: 1979; Địa chỉ: khu tập thể giáo viên LT 2, thị trấn Dr, huyện Đ, Lâm Đồng. (Có mặt)

Bị đơn: Bà **Ngô Thị H**, sinh năm: 1962; Địa chỉ: số 00 chợ L, tổ dân phố 2, thị trấn Dr, huyện Đ, Lâm Đồng. (Vắng mặt)

Đại diện bị đơn theo ủy quyền: Bà **Trần Thu Th**, sinh năm 1997; Địa chỉ: số 11A đường Tr, phường 4, thành phố ĐL, Lâm Đồng. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: ông Nguyễn PH Đại Ngh – Là luật sư công ty Luật TNHH Đại Nghĩa. Địa chỉ: số 11A đường Tr, phường 4, thành phố ĐL, Lâm Đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn bà **Đặng Thị V** trình bày: Vào năm 2018, năm 2019 bà có làm chủ cái 03 dây huê và bà H có tham gia góp tiền tham gia chơi 03 dây huê này và tháng 04/2019 bà H đã hốt hết 03 dây huê, sau khi hốt huê, bà H chỉ đóng đầy các dây huê đến tháng 07/2019 thì ngưng không đóng huê. Cụ thể các dây huê như sau:

- Dây huê thứ nhất gồm 26 phần, áp cái ngày 01/10/2018, hốt huê tháng 04/2019, bà H tham gia đóng huê đến tháng 07/2019 (đóng được 10 tháng). Dây huê này bà H còn phải đóng tiền huê chết 16 tháng là 80.000.000đ.

- Dây huê thứ hai gồm 24 phần, áp cái ngày 05/12/2018, hót huê tháng 04/2019, bà H tham gia đóng huê đến tháng 07/2019 (đóng được 8 tháng). Dây huê này bà H phải đóng tiền huê chết 16 tháng là 80.000.000đ.

- Dây huê thứ ba gồm 24 phần, áp cái ngày 10/02/2019, hót huê tháng 04/2019, bà H tham gia đóng huê đến tháng 07/2019 (đóng được 06 tháng), còn lại 18 tháng. Dây huê này bà H phải đóng tiền huê chết 18 tháng là 90.000.000đ.

Tổng số tiền bà H nợ trong ba dây huê trên là 250.000.000đ. Mỗi lần hót huê, chồng tiền huê giữa bà và bà H có viết giấy rõ ràng và bà H có ký nhận tiền huê. Bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị H trả cho bà số tiền nợ huê là 250.000.000đ. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình điều tra bị đơn bà Ngô Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 26/7/2022, bản tự khai do bà H viết ngày 04/01/2023, biên bản ghi lời khai đối chất ngày 01/3/2023 trình bày: Bà thừa nhận có tham gia chơi 03 dây huê và đã hót huê như bà V trình bày và xác định số tiền bà nợ bà V trong 03 dây huê là 250.000.000đ. Tuy nhiên, do bà V có nợ bà số tiền vay 1.530.000.000đ. Vào ngày 25/6/2019, bà V đã trả cho bà được số tiền 200.000.000đ nên số tiền bà V còn nợ bà là 1.330.000.000đ. Do đó, ngày 04/7/2019 bà và bà V có ngồi lại chốt nợ với nhau như sau:

- Các khoản nợ bà V vay sau khi trừ số tiền đã trả còn lại là 1.330.000.000đ;
- Các khoản tiền nợ lãi là 65.140.000đ trừ 15.000.000đ tiền huê chết (03 dây huê đã hót) còn lại 55.140.000đ, làm tròn tiền lãi là 50.000.000đ. Tổng số tiền bà V nợ bà là 1.380.000.000đ. Số tiền chốt nợ 1.380.000.000đ do bà V là người viết chốt. Việc chốt số nợ 1.380.000.000đ được thực hiện trước ngày 04/7/2019 khoảng 03 tháng. Sau đó khoảng 03 tháng sau các bên chốt thêm 72.000.000đ tiền lãi, làm tròn 70.000.000đ. Tổng số tiền bà V nợ bà là 1.450.000.000đ. Sau khi thỏa thuận miệng với nhau thống nhất cân trừ số tiền nợ huê 250.000.000đ vào số tiền bà V nợ bà nên bà đã yêu cầu bà V viết “giấy mượn tiền” số tiền 1.200.000.000đ vào ngày 04/7/2019. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị V xác định việc chốt số tiền nợ 1.380.000.000đ do bà là người viết chốt nợ, thời điểm chốt nợ là cuối tháng 06/2019 vì ngày 26/6/2019 bà còn vay của bà H 20.000.000đ, sau khi chốt nợ bà tiếp tục trả tiền vay cho bà H đến ngày 04/7/2019, cả hai tiếp tục chốt lại và bà H yêu cầu bà viết “giấy mượn tiền” số tiền 1.200.000.000đ. Các bên không có thỏa thuận cân trừ tiền nợ huê. Việc bà H trình bày số tiền lãi 72.000.000đ làm tròn 70.000.000đ là số tiền lãi của số tiền 1.380.000.000đ là không phù hợp, do bà H nài ra để tính cho trùng khớp, chữ viết các con số 72.200 do bà H tự viết, viết không rõ nội dung gì. Bà xác định giữa bà và bà H không có việc các bên có thỏa thuận cân trừ tiền huê bà H nợ vào số tiền nợ vay bà nợ bà H, nếu có việc thỏa thuận cân trừ tiền nợ huê vào tiền nợ vay thì phải ghi rõ ràng vào giấy. Bà H cho rằng có việc thỏa thuận cân trừ nợ huê thì đề nghị bà H xuất trình chứng cứ chứng minh giữa bà và bà H có việc thỏa thuận cân trừ nợ huê vào số tiền vay bà nợ bà H. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị H trả cho bà số tiền nợ huê đến nay chưa trả là 250.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà H vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền cho bà H xác định lại việc các bên chốt số tiền bà V nợ bà H 1.380.000.000đ được thực hiện vào ngày

26/6/2019, trong đó có nội dung chốt số tiền 65.000.000đ trừ 15.000.000đ tiền nợ huê làm tròn 50.000.000đ đây không phải là số tiền lãi mà là khoản nợ khác bà V nợ bà H. Sau đó đến ngày 04/7/2019, các bên chốt số tiền lãi 72.200.000đ do bà H viết vào mặt sau của giấy chốt số tiền 1.380.000.000đ. Số tiền lãi 72.200.000đ được tính từ số tiền nợ gốc 1.380.000.000đ. Do đó, số tiền bà V nợ bà H sau khi cộng số tiền lãi làm tròn 70.000.000đ là 1.450.000.000đ, các bên thỏa thuận miệng với nhau trừ 250.000.000đ tiền bà H nợ huê vào số tiền bà V nợ vay, số tiền bà V nợ bà H sau khi thỏa thuận miệng với nhau trừ tiền huê là 1.200.000.000đ và bà H yêu cầu bà V viết giấy mượn số tiền số tiền 1.200.000.000đ vào ngày 04/7/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến cho rằng trong quá trình tố tụng, Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của luật tố tụng; đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị V; buộc bị đơn bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị V số tiền nợ huê 250.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng:* Nguyên đơn bà Đặng Thị V khởi kiện bà Ngô Thị H có địa chỉ tại số 17 chợ Lạc Nghiệp, tổ dân phố 2, thị trấn Dran, huyện Đơn Dương trả số tiền nợ huê. Căn cứ khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

[2] *Về áp dụng pháp luật nội dung:*

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận vào năm 2018, 2019, nguyên đơn có làm chủ cái 03 dây huê, mỗi dây huê 5.000.000đ. Bị đơn có tham gia chơi 03 dây huê và đã hót tất cả các dây huê vào tháng 04/2019. Sau khi hót 03 dây huê, bị đơn đã đóng dây huê đến tháng 07/2019 và ngưng không đóng. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ huê của cả 03 dây huê là 250.000.000đ nhưng bị đơn không trả cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn đến Tòa án. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự huê, hụi*” quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị V yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị H trả cho bà số tiền nợ huê 250.000.000đ, căn cứ yêu cầu khởi kiện nêu trên là 03 giấy chồng tiền huê có chữ ký nhận tiền của bị đơn bà Ngô Thị H tại các bút lục số 27, 28, 29 do nguyên đơn cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận có tham gia chơi 03 dây huê do bà V làm chủ cái và đã hót 03 dây huê vào tháng 04/2019, số tiền bị đơn nợ nguyên đơn 03 dây huê đã hót là 250.000.000đ, tuy nhiên bị đơn cho rằng đã căn trừ tiền nợ huê vào số tiền nguyên đơn nợ tiền vay, nên đến nay không còn nợ tiền huê nguyên đơn. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, có cơ sở xác định, bị đơn bà Ngô Thị H có tham gia chơi 03 dây

huê do nguyên đơn làm chủ cái và đã hót 03 dây huê này vào tháng 04/2019 là có thật.

[2.3] Đối với việc bị đơn trình bày số tiền nợ trên, bị đơn và nguyên đơn đã thỏa thuận căn trừ vào tiền nợ vay do nguyên đơn có vay của bị đơn số tiền 1.450.000.000đ (bao gồm cả tiền lãi), hai bên thống nhất căn trừ tiền nợ huê 250.000.000đ, số tiền nguyên đơn còn nợ là 1.200.000.000đ và nguyên đơn có viết giấy vay số tiền 1.200.000.000đ vào ngày 04/7/2019 nên bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh các bên có chốt số tiền nguyên đơn nợ 1.450.000.000đ và có thỏa thuận căn trừ tiền nợ huê vào khoản tiền nợ vay, trong khi đó nguyên đơn lại không thừa nhận. Việc bị đơn trình bày số tiền nợ huê đã căn trừ vào số tiền nợ vay của nguyên đơn chỉ là lời nói từ một phía, bị đơn không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Bị đơn có cung cấp bản liệt kê các khoản chốt nợ, tuy nhiên lại không ghi rõ ngày tháng năm chốt nợ, trong bản chốt nợ chỉ thể hiện tổng số tiền còn lại là 1.380.000.000đ, không có nội dung thể hiện trừ khoản tiền 250.000.000đ tiền nợ huê và không ghi rõ nội dung ai nợ ai, tổng số tiền chốt nợ cũng không trùng khớp lời trình bày của bà Ngô Thị H cho rằng nguyên đơn nợ bà tổng số tiền 1.450.000.000đ. Ngoài ra, bị đơn còn cung cấp mặt sau của giấy chốt nợ số tiền 1.380.000.000đ có ghi các con số chốt lại 72.200 bằng màu mực đen do bị đơn viết, không ghi ngày tháng năm và không ghi rõ nội dung gì, bị đơn cho rằng do cả hai chốt tiền lãi của số tiền 1.380.000.000đ, nguyên đơn lại không thừa nhận và cho rằng do bị đơn bịa ra cho khớp với số tiền 1.200.000.000đ. Do đó, chứng cứ này không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét đánh giá. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ*”. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bị đơn về việc số tiền nợ huê đã căn trừ vào số tiền nợ nguyên đơn đã vay của bị đơn.

[2.4] Liên quan đến số tiền nợ vay 1.200.000.000đ giữa nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận đã chuyển giao nghĩa vụ cho người thứ ba, hiện đang tranh chấp giải quyết bằng một vụ án dân sự khác, do đó không đề cập trong vụ án này.

Từ những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thấy rằng việc nguyên đơn bà Đặng Thị V yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả số tiền nợ huê 250.000.000đ là hoàn toàn phù hợp. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị V, buộc bị đơn bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 250.000.000đ là đúng quy định tại các Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí*: do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12, Điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 13 ngày 31/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị V. Buộc bị đơn bà Ngô Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị V số tiền 250.000.000đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí:* Bà Ngô Thị H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Đặng Thị V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000đ theo biên lai thu tiền số 0004015 ngày 12/7/2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đơn Dương.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Ngân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Ngân